

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2020/HX-ST
Ngày 17-9-2020
V/v khiếu kiện QĐHX trong lĩnh
vực quản lý đất đai

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Việt Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Văn Thắng
2. Ông Hồ Quốc Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Hoàng Sâm - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 31/2019/TLST-HX ngày 30 tháng 12 năm 2019 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2020/QĐXXST-HX ngày 29/6/2020 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông HX D – Trưởng Phái Nhì họ HX; địa chỉ: Thôn H, xã G1, huyện G, tỉnh Quảng Trị.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Lê Văn H1 và bà Trần Thị Ly L – Công ty Luật Văn H1; địa chỉ: 146/01 T, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị.

2. Người bị kiện:

+ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị; địa chỉ: Số 45 H, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị.

+ Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Quảng Trị; địa chỉ: Thị trấn G, huyện G, tỉnh Quảng Trị.

Người đại diện hợp pháp: Ông Phan Văn N – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện G (văn bản ủy quyền ngày 10/3/2020).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Hoàng Xuân T và bà Phan Thị G; địa chỉ: Khu phố 2 (Khu phố 11 cũ), thị trấn G, huyện G, tỉnh Quảng Trị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 12/12/2019, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện trình bày:

* Tranh chấp giữa Phái nhì họ HX với ông Hoàng Xuân T là tranh chấp đất đai và tài sản gắn liền với đất bao gồm cây trồng và khu lăng mộ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Luật đất đai năm 2013. Chủ tịch Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) huyện G và Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị giải quyết tranh chấp đất đai là vi phạm quy định về thẩm quyền.

* Về nội dung:

Trước năm 1975, Phái nhì họ HX khai hoang một thửa đất diện tích khoảng 2.000 m², địa chỉ Khu phố 11 cũ (nay là Khu phố 2), thị trấn G, huyện G, tỉnh Quảng Trị để xây dựng khu lăng mộ làm nơi an nghỉ của “Ngài đầu phái” là ông Hoàng Ngọc Y và làm đất hương hỏa của dòng họ. Theo gia phả thì “Ngài đầu phái” thuộc đời thứ 4 khoảng giữa thế kỷ XVIII.

Hiện nay thửa đất có diện tích 1.420 m², hình tam giác vuông, gồm các cạnh:

- Phía Bắc giáp đường khu vực có chiều dài 63,99m.
- Phía Tây giáp đường khu vực có chiều dài 41,98m.
- Phía Nam – Đông Nam giáp vườn ông Dương Chiến có chiều dài 80,43m.

Bên trong thửa đất được xây dựng: Lăng mộ tổ, một ngôi mộ có năm xây hình chóp tròn và 03 ngôi mộ đất. Trong khuôn viên của khu lăng mộ, phần diện tích về phía Tây Nam trước và sau lăng đã được gia đình ông Hoàng Xuân T trồng cây ăn quả lâu năm như xoài, mít, ...; phần diện tích về phía Bắc trồng hoa màu.

* Về nguồn gốc đất:

Sau năm 1975, thực hiện chính sách của Nhà nước, tất cả đất nông nghiệp do Nhà nước quản lý, riêng khu đất này vẫn do Phái nhì họ HX sử dụng vì thuộc đất nghĩa trang. Thời điểm này, để giữ gìn đất hương hỏa của dòng họ, các trưởng lão trong Phái nhì họ HX thống nhất giao cho một hộ gia đình trong họ có điều kiện kinh tế khó khăn sử dụng phần đất xung quanh lăng mộ để trồng hoa màu, tiện thể bảo quản, giữ gìn lăng mộ tránh người khác lấn chiếm và gia súc phá hoại. Hàng năm lợi nhuận thu lời từ việc canh tác đất phải đóng một khoản tiền để hương khói cho “Ngài”.

Theo đó, hộ gia đình ông Hoàng Xuân K (bố của ông Hoàng Xuân T) thuộc đời thứ 15 Phái nhì họ HX ở liền kề với khu đất, có điều kiện thuận lợi cho việc trông coi lăng mộ và đất hương hỏa nên Phái nhì họ HX thống nhất cho hộ ông Hoàng Xuân K được sử dụng phần đất đã khai hoang xung quanh lăng mộ để canh tác trồng hoa màu, có diện tích khoảng 400m². Hàng năm ông Hoàng Xuân K vẫn đóng khoản tiền hoa lợi để hương khói cho Phái nhì họ HX.

Năm 1989 ông Hoàng Xuân K chết nên đã giao lại cho con trai là ông Hoàng Xuân T tiếp tục canh tác. Trong khuôn viên khu lăng mộ, phần diện tích về phía Tây Nam trước và sau lăng đã được gia đình ông T trồng cây ăn quả lâu năm và trồng hoa màu. Các cấp chính quyền, cư dân thừa nhận khuôn viên lăng mộ nên

không có ai lấn chiếm, sử dụng để xây dựng nhà ở.

* Về lăng mộ Tổ và các phần mộ tạo thành khu lăng mộ Phái nhì họ HX:

Theo tập quán nếu đất đai sử dụng cho mục đích tâm linh – xây dựng làm nghĩa trang nơi an nghỉ của người đã khuất thì không sử dụng vào mục đích đất ở. Vấn đề này được cư dân sống từ lâu đời xung quanh nghĩa địa tôn trọng và thừa nhận. Vì vậy, mỗi khu đất gắn liền với lăng mộ mà có khuôn viên ổn định thì được coi là đất nghĩa địa.

Như vậy, thửa đất có tranh chấp có nguồn gốc do Phái nhì họ HX khai hoang, sử dụng làm đất hương hỏa. Nhưng Chủ tịch UBND huyện G và Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị chỉ công nhận phần lăng mộ trên đất là của Phái nhì họ HX mà không công nhận phần diện tích trong khuôn viên nghĩa địa là không đúng.

Toàn bộ khuôn viên của lăng mộ là đất nghĩa địa được cư dân thừa nhận, phù hợp Điều 88 Nghị định 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ; căn cứ Điều 5 Bộ luật dân sự 2015 về áp dụng tập quán thì thửa đất đang tranh chấp thuộc đất nghĩa địa của Phái nhì họ HX.

Nhận thấy ông Hoàng Xuân T được Phái nhì họ HX cho sử dụng đất nghĩa địa để trồng hoa màu, tuy nhiên ông T lại sử dụng trồng cây lâu năm đang có nguy cơ rễ cây làm hư hỏng các phần mộ nên việc di dời là cần thiết.

Chủ tịch UBND huyện G và Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị không chấp nhận đơn khiếu nại của Phái nhì họ HX là trái với nguồn gốc, quá trình diễn biến sử dụng đất, làm xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của Phái nhì họ HX.

Vì vậy, ông HX D yêu cầu Tòa án hủy các quyết định sau:

- Quyết định số 3246/QĐ-UBND ngày 16/10/2018 của Chủ tịch UBND huyện G về việc giải quyết tranh chấp đất đai.

- Quyết định số 412/QĐ-UBND ngày 15/02/2019 của Chủ tịch UBND huyện G về việc giải quyết tranh chấp đất đai.

- Quyết định số 1416/QĐ-UBND ngày 10/6/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị về việc giải quyết tranh chấp đất đai (lần 2).

2. Tại văn bản số 294/UBND-TN ngày 21/01/2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người bị kiện Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị trình bày:

Theo hồ sơ địa chính do Trung tâm kỹ thuật địa chính đo đạc, lập tháng 12/1998 (Sở địa chính thẩm định tháng 12/2001), thửa đất đang tranh chấp thuộc thửa 93, tờ bản đồ số 23, diện tích 1.622 m² đất, loại đất trồng cây hàng năm khác, quy chủ UBND thị trấn G quản lý.

Theo kết quả đo đạc ngày 07/5/2019 Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, khu đất tranh chấp có diện tích khoảng 1.420 m²; thuộc thửa đất số 93, tờ bản đồ số 23 tại thị trấn G.

Theo trình bày của Phái nhì họ HX, khu đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của Phái nhì họ HX và có nguồn gốc lâu đời. Năm 1975, Phái nhì họ HX cho gia đình ông Hoàng Xuân K (bố của ông T) mượn sử dụng để sản xuất và quản lý lăng

mộ. Năm 1989, ông K chết thì gia đình ông T tiếp tục sử dụng. Tuy nhiên việc trình bày của Phái nhì họ HX không có giấy tờ gì để chứng minh.

Theo trình bày của ông Hoàng Xuân T, khu đất tranh chấp do cha mẹ để lại (ông Hoàng Xuân K khai hoang sử dụng từ năm 1975). Đến năm 1989 ông K chết thì giao lại cho ông T tiếp tục sử dụng. Việc sử dụng của gia đình là liên tục, không có tranh chấp. Mãi đến khi ông T lập thủ tục xin cấp GCNQSDĐ thì mới phát sinh tranh chấp.

Theo báo cáo của UBND thị trấn G, khu đất tranh chấp do gia đình ông Hoàng Xuân T kê khai và nộp thuế sử dụng đất từ năm 1996 – 2002 với diện tích 1.623 m² đất. Ngày 22/5/2019 ông T làm đơn xin xác nhận thực hiện nghĩa vụ tài chính. Ngày 24/5/2019 Chi cục thuế huyện G xác nhận ông T đã nộp thuế đầy đủ, hiện không nợ thuế.

Phần diện tích đất tranh chấp có cây cối, hoa màu do gia đình ông Hoàng Xuân K và con là Hoàng Tuấn T sử dụng sản xuất, canh tác từ năm 1975 đến nay. Việc sử dụng của gia đình ông K, ông T là ổn định, liên tục, từ 1975 -2015 không có tranh chấp (tranh chấp phát sinh khi ông T lập hồ sơ xin cấp GCNQSDĐ); quá trình sử dụng đất gia đình đã thực hiện nghĩa vụ nộp thuế theo quy định. Phần diện tích đất tranh chấp có lãng mộ do Phái nhì họ HX sử dụng ổn định, liên tục từ trước 1975 đến nay.

Theo quy định tại Luật đất đai 2013 và các văn bản hướng dẫn, gia đình ông Hoàng Xuân T là người sử dụng đất ổn định, liên tục nên đủ điều kiện để được Nhà nước xem xét công nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích thực tế đang sử dụng. Việc Phái nhì họ HX tranh chấp quyền sử dụng đất đối với diện tích đất do ông Hoàng Xuân T sử dụng tại thửa số 93, tờ bản đồ số 23, thị trấn G là không có cơ sở pháp luật.

Yêu cầu của người khởi kiện là không có cơ sở, đề nghị Tòa án giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật.

3. Tại văn bản số 738/UBND-TN ngày 09/6/2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của Chủ tịch UBND huyện G trình bày:

Theo hồ sơ địa chính do Trung tâm kỹ thuật địa chính đo đạc, lập tháng 12/1998 (Sổ địa chính thẩm định tháng 12/2001), thửa đất đang tranh chấp thuộc thửa 93, tờ bản đồ số 23, diện tích 1.622 m² đất, loại đất trồng cây hàng năm khác, quy chủ UBND thị trấn G quản lý.

Nguồn gốc thửa đất trước đây là của Phái nhì họ HX. Khoảng năm 1975, Phái nhì họ HX giao cho ông Hoàng Xuân K (bố của ông Hoàng Xuân T) khai hoang và sử dụng để trồng hoa màu (chỉ giao miệng, không có văn bản, giấy tờ) cho đến khoảng năm 1989, ông K mất thì ông T tiếp tục sử dụng thửa đất này để trồng cây cối, hoa màu. Từ đó đến năm 2014, ông T sử dụng ổn định, liên tục và không có tranh chấp.

Toàn bộ tài sản trên đất như cây bơ, mít, chè, mớ, sắn dây, khoai,... là của ông Hoàng Xuân K và ông Hoàng Xuân T trồng từ khoảng năm 1975 đến nay,

riêng 01 cái lăng có kích thước 7m x 5,5m, 01 ngôi mộ xây có đường kính 2m và một số ngôi mộ đất có đường kính 1m là của Phái nhì họ HX.

Căn cứ Điều 20, 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai thì: Phái nhì họ HX đang tranh chấp đất đai với ông Hoàng Xuân T không phải là người sử dụng đất ổn định và không có giấy tờ liên quan để chứng minh quyền sử dụng đất theo Điều 50 Luật Đất đai 2003, nay là Điều 100 Luật Đất đai 2013, nên không đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Hộ ông Hoàng Xuân T là người sử dụng đất ổn định từ khoảng năm 1989 đến nay.

Từ những cơ sở trên, Chủ tịch UBND huyện Gio Linh ban hành Quyết định số 412/QĐ-UBND ngày 15/02/2019 không công nhận việc tranh chấp của Phái nhì họ HX đối với thửa đất hiện nay ông Hoàng Xuân T đang sử dụng.

4. Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Xuân T và bà Phan Thị G trình bày:

Thửa đất đang tranh chấp có nguồn gốc do cha mẹ ông T để lại. Sau khi cha mẹ mất thì ông T tiếp tục sử dụng. Diện tích thửa đất khoảng 1.500 m² thuộc thửa số 93, tờ bản đồ số 23 bản đồ địa chính thị trấn G năm 2001. Khi bố ông là ông Hoàng Xuân K sử dụng thì trên đất đã có 01 ngôi mộ to và 01 ngôi mộ nhỏ của Phái Nhì họ HX. Năm 2000, Phái xây dựng 01 lăng cho ngôi to và xây lại ngôi mộ nhỏ.

Diện tích đất trên ông T sử dụng để trồng cây lâu năm như mít, chè, bơ, mước và hoa màu. Quá trình sử dụng đất, ông T đã thực hiện nghĩa vụ tài chính hàng năm đối với thửa đất và không có tranh chấp với ai. Đến năm 2014, khi gia đình ông T làm thủ tục xin cấp GCNQSDĐ (không bao gồm phần diện tích có lăng mộ) thì Phái nhì họ HX có đơn tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do đó, ông T và bà Gái không chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện.

5. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội thẩm nhân dân và thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ các thủ tục đảm bảo theo quy định của pháp luật. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ ở giai đoạn sơ thẩm theo quy định của Luật Tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính; Điều 89 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ, hủy các quyết định hành chính sau:

+ Quyết định số 3246/QĐ-UBND ngày 16/10/2018 của Chủ tịch UBND huyện G về việc giải quyết tranh chấp đất đai.

+ Quyết định số 412/QĐ-UBND ngày 15/02/2019 của Chủ tịch UBND

huyện G về việc giải quyết tranh chấp đất đai.

+ Quyết định số 1416/QĐ-UBND ngày 10/6/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị về việc giải quyết tranh chấp đất đai (lần 2).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp:

Người khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hủy các quyết định hành chính của Chủ tịch UBND huyện G và Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị trong lĩnh vực quản lý đất đai. Do đó Tòa án xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “*kiếu kiện quyết định hành chính*”.

[1.2] Về thẩm quyền:

Quyết định hành chính bị kiện là quyết định giải quyết tranh chấp đất đai của Chủ tịch UBND huyện G và quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị theo quy định tại khoản 1 Điều 30 và khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính.

[1.3] Về thủ tục tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại vào các ngày 21/02/2020 và 19/5/2020. Các phiên đối thoại đều vắng mặt người bị kiện nên đây là vụ án hành chính không tiến hành đối thoại được theo quy định tại khoản 1 Điều 135 của Luật tố tụng hành chính. Do đó Tòa tiến hành các thủ tục để mở phiên tòa xét xử vụ án. Tuy nhiên phiên tòa bị hoãn nhiều lần do trở ngại khách quan và thực hiện giãn cách xã hội do dịch bệnh Covid nên phải kéo dài.

[1.4] Về thời hiệu khởi kiện:

Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai số 412/QĐ-UBND ngày 15/02/2019 của Chủ tịch UBND huyện G thay thế Quyết định số 3246/QĐ-UBND ngày 16/10/2018.

Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai (lần 2) số 1416/QĐ-UBND ngày 10/6/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị là quyết định giải quyết khiếu nại trên cơ sở đơn khiếu nại của Phái Nhì họ HX.

Người khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy cả quyết định giải quyết tranh chấp đất đai và quyết định giải quyết khiếu nại.

Căn cứ khoản 2, 3 Điều 116 của Luật tố tụng hành chính thì ngày 12/12/2019 người khởi kiện có đơn khởi kiện vụ án hành chính là trong thời hiệu khởi kiện.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xem xét các quyết định giải quyết tranh chấp đất đai số 412/QĐ-UBND ngày 15/02/2019 và số 3246/QĐ-UBND ngày 16/10/2018 của Chủ tịch UBND huyện G:

1.1. Về thẩm quyền:

Chủ tịch UBND huyện G ban hành Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 203 Luật đất đai 2013.

1.2. Về trình tự, thủ tục:

- *Về thời hạn giải quyết:* Chủ tịch UBND huyện G giải quyết tranh chấp đất đai giữa Phái nhì họ HX với ông Hoàng Xuân T là đúng thời hạn quy định tại khoản 3 Điều 61 (đã sửa đổi, bổ sung) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

- *Về trình tự, thủ tục:*

Theo quy định tại khoản 3 Điều 89 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ thì hồ sơ giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp huyện bao gồm:

“a) Đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai;

b) Biên bản hòa giải tại Ủy ban nhân dân cấp xã; biên bản làm việc với các bên tranh chấp và người có liên quan; biên bản kiểm tra hiện trạng đất tranh chấp; biên bản cuộc họp các ban, ngành có liên quan để tư vấn giải quyết tranh chấp đất đai đối với trường hợp hòa giải không thành; biên bản hòa giải trong quá trình giải quyết tranh chấp;

c) Trích lục bản đồ, hồ sơ địa chính qua các thời kỳ liên quan đến diện tích đất tranh chấp và các tài liệu làm chứng cứ, chứng minh trong quá trình giải quyết tranh chấp;

d) Báo cáo đề xuất và dự thảo quyết định giải quyết tranh chấp hoặc dự thảo quyết định công nhận hòa giải thành.”

Trong vụ án này, Tòa án đã hai lần yêu cầu người bị kiện là Chủ tịch UBND huyện G cung cấp hồ sơ giải quyết tranh chấp đất đai giữa phái nhì họ HX với ông Hoàng Xuân T (thể hiện tại Biên bản xác minh ngày 29/5/2020 và Công văn số 172/TA-HX ngày 17/6/2020), tuy nhiên người bị kiện chỉ giao nộp cho Tòa án các biên lai nộp thuế của ông Hoàng Xuân T và các Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai.

Trước ngày mở phiên tòa ngày 05/8/2020 01 ngày, Chủ tịch UBND huyện G mới cung cấp cho Tòa án bộ hồ sơ giải quyết tranh chấp đất đai. Qua xem xét và đối chiếu với quy định tại khoản 3 Điều 89 Nghị định 43/2014/NĐ-CP nêu trên thì hồ sơ giải quyết tranh chấp đất đai giữa phái nhì họ HX với ông Hoàng Xuân T của Chủ tịch UBND huyện G còn thiếu Thông báo thụ lý đơn, trích lục bản đồ, hồ sơ địa chính qua các thời kỳ liên quan đến diện tích đất tranh chấp và Báo cáo đề xuất của Tổ thẩm tra, xác minh; quá trình giải quyết tranh chấp, Chủ tịch UBND huyện G không đưa bà Phan Thị Gái (vợ ông Hoàng Xuân T) tham gia làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Gái.

Như vậy, trình tự, thủ tục ban hành các Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai số 412 và 3246 của Chủ tịch UBND huyện G là vi phạm quy định tại Điều 89 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ.

1.3. Về nội dung:

Trên toàn bộ diện tích đất tranh chấp tại thửa 93, tờ bản đồ số 23, thị trấn G, ngoài phần lăng, mộ các bên tranh chấp đều thừa nhận là của Phái nhì họ HX thì trên đất còn có một số cây lâu năm là của Phái. Tuy nhiên khi giải quyết tranh chấp, Chủ tịch UBND huyện G chưa giải quyết phần tài sản này của Phái nhì họ HX là còn thiếu.

Ngoài ra, Chủ tịch UBND huyện G công nhận phần diện tích đang có tài sản: 01 cái lăng có kích thước 7,0m x 5,5m, 01 ngôi mộ xây có đường kính 2m và một số ngôi mộ đất có đường kính 1m là của Phái nhì họ HX là còn chung chung. Bởi vì, theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án thì khoảng cách từ lăng đến các ngôi mộ là 22,16m. Chủ tịch UBND huyện G chỉ công nhận phần diện tích có tài sản, còn phần diện tích xung quanh kết nối giữa lăng và các ngôi mộ chưa được xem xét, giao đất cho hộ ông Hoàng Xuân T nhưng không giao diện tích cụ thể, không rõ mục đích sử dụng đất là chưa triệt để nên không giải quyết được tranh chấp.

Do đó, cần phải hủy các quyết định giải quyết tranh chấp đất đai số 412/QĐ-UBND ngày 15/02/2019 và số 3246/QĐ-UBND ngày 16/10/2018 của Chủ tịch UBND huyện G.

2. Xem xét quyết định số 1416/QĐ-UBND ngày 10/6/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị:

2.1. Về thẩm quyền:

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 203 Luật đất đai 2013:

“Trường hợp tranh chấp giữa hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư với nhau thì Chủ tịch UBND cấp huyện giải quyết, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết thì có quyền khiếu nại đến Chủ tịch UBND cấp tỉnh....”

Trong vụ án này, Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị ban hành Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai (lần 2) trên cơ sở đơn khiếu nại của ông HX Chiêu – Trưởng Phái Nhì họ HX là đúng thẩm quyền.

2.2. Về trình tự, thủ tục:

Điều 204 Luật đất đai 2013 quy định trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại quyết định hành chính về đất đai thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại.

Trình tự thủ tục ban hành Quyết định số 1416/QĐ-UBND ngày 10/6/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị bao gồm các bước sau:

- Ngày 15/02/2019, Chủ tịch UBND huyện G ban hành Quyết định 412/QĐ-UBND giải quyết tranh chấp đất đai.

- Ngày 27/3/2019, ông HX Chiêu – Trưởng phái có đơn khiếu nại gửi Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị.

Đại diện Phái cho rằng đến ngày 07/3/2019 thì ông HX Kha (đại diện Phái)

mới nhận được Quyết định 412 tại Phòng tài nguyên và môi trường huyện G, nên ngày 27/3/2019 đại diện Phái có đơn khiếu nại là đúng thời hạn, theo quy định tại mục 58 Điều 2 Nghị định 01/2017/NĐ-CP.

- Ngày 18/4/2019, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Thông báo số 48 thụ lý giải quyết đơn.

- Ngày 18/4/2019, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định 861/QĐ-UBND giao cho Sở tài nguyên và môi trường thẩm tra, xác minh đơn khiếu nại.

- Ngày 07/5/2019, Tổ thẩm tra xác minh tiến hành kiểm tra, đo đạc thực địa.

- Ngày 21/5/2019, Sở Tài nguyên và môi trường tổ chức hòa giải và đối thoại trong giải quyết tranh chấp đất đai.

- Ngày 10/6/2019, Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị ban hành Quyết định 1416/QĐ-UBND giải quyết tranh chấp đất đai (lần 2).

Trong vụ án này, quyết định giải quyết tranh chấp đất đai (lần 2) của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị là quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu. Đối chiếu với các quy định tại Điều 27, 28, 29, 30, 31 Luật khiếu nại năm 2011 thì trình tự, thủ tục ban hành Quyết định 1416/QĐ-UBND ngày 10/6/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị là đúng về việc thụ lý đơn khiếu nại, thời hạn giải quyết khiếu nại, xác minh nội dung khiếu nại, tổ chức đối thoại và việc ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại.

1.3. Về nội dung:

Như đã phân tích ở trên, các quyết định giải quyết tranh chấp đất đai giữa Phái Nhì họ HX và ông Hoàng Xuân T của Chủ tịch UBND huyện G chưa đảm bảo về trình tự, thủ tục và về nội dung. Lẽ ra khi giải quyết khiếu nại, thấy rằng trình tự, thủ tục giải quyết tranh chấp đất đai chưa được đảm bảo, tài sản của Phái Nhì họ HX chưa được giải quyết, phần diện tích lăng mộ được công nhận của Phái chưa được làm rõ (về phần khoảng cách giữa lăng và các ngôi mộ) sẽ được cấp diện tích bao nhiêu, có vị trí như thế nào, Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị phải hủy các quyết định giải quyết tranh chấp đất đai của Chủ tịch UBND huyện G để giải quyết lại cho đúng. Nhưng Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị lại giữ nguyên các quyết định đó. Ngoài ra, Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị còn giao UBND huyện G cấp GCNQSDĐ đối với diện tích đất thực tế gia đình ông Hoàng Xuân T sử dụng, trong đó xem xét yếu tố đường đi để Phái Nhì họ HX thuận lợi chăm sóc lăng mộ là không rõ ràng, vì phần diện tích ngoài lăng mộ không được công nhận là của Phái.

Mặt khác, Tòa án đã hủy các quyết định giải quyết tranh chấp đất đai số 412/QĐ-UBND ngày 15/02/2019 và số 3246/QĐ-UBND ngày 16/10/2018 của Chủ tịch UBND huyện G, nên cũng cần hủy luôn Quyết định số 1416/QĐ-UBND ngày 10/6/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị.

[3] Về án phí: Người bị kiện phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, khoản 2, 3 Điều 116, khoản 1 Điều 135, điểm b khoản 2 Điều 193, khoản 1 Điều 348, Điều 358, khoản 1 Điều 359 của Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ Điều 203, 204 Luật Đất đai năm 2013, Điều 89 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013; khoản 40 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Điều 27, 28, 29, 30, 31 Luật Khiếu nại năm 2011;

Căn cứ khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện, tuyên hủy:

- Quyết định số 3246/QĐ-UBND ngày 16/10/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện G về việc giải quyết tranh chấp đất đai.

- Quyết định số 412/QĐ-UBND ngày 15/02/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện G về việc giải quyết tranh chấp đất đai.

- Quyết định số 1416/QĐ-UBND ngày 10/6/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị về việc giải quyết tranh chấp đất đai (lần 2).

2. Về án phí:

Ông Hoàng Xuân D không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. Hoàn trả cho ông D số tiền tạm ứng án phí 300.000 mà Phái Nhì họ HX theo đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2010/000675 ngày 27/12/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.

Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm. Chủ tịch UBND huyện G, tỉnh Quảng Trị phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:

Người bị kiện phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 2.400.000 đồng. Số tiền này người khởi kiện đã nộp theo Biên bản giao nhận ngày 21/02/2020.

Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị phải chịu 1.200.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và phải hoàn trả cho ông Hoàng Xuân D số tiền này.

Chủ tịch UBND huyện G, tỉnh Quảng Trị phải chịu 1.200.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và phải hoàn trả cho ông Hoàng Xuân D số tiền này.

4. Quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- Cục THADS tỉnh Quảng Trị;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV;
- Lưu: HSVA, Tổ HXTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đinh Viết Nam